



SONG DA 2 JSC

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

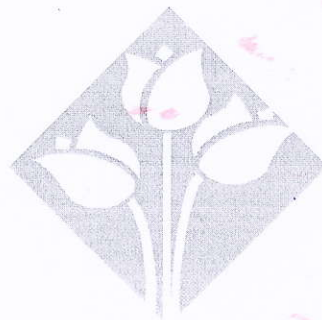


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Địa chỉ: Km10, đường Nguyễn Trãi; Quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 0433 510 542

Fax: 0433 828 255



Hà Nội, Tháng 04 năm 2014

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 28 CT/BCTN

“V/v: Công bố thông tin”

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Sông Đà 2**
- Tên tiếng Anh : Song Da 2 Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Song Đà 2 JSC
- Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0500236821
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại : 0433.510 542
- Fax : 0433.828 255
- Website : www.songda2.com.vn
- Mã cổ phiếu : SD2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1 Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tiền thân là Công ty Xây dựng dân dụng thuộc Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà), được thành lập ngày 01 tháng 02 năm 1980 có nhiệm vụ xây dựng nhà ở cho cán bộ chuyên gia Liên Xô, CBCNV Việt Nam trên công trường Thủy điện Sông Đà và hoàn thiện toàn bộ phần Nhà máy Thủy điện Hoà Bình. Sau đó Công ty được đổi tên là Công ty Xây dựng Sông Đà 2 rồi Công ty Sông Đà 2. Theo Quyết định số 2334/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng, Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 chính thức được hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 03 năm 2006 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303000430 do

Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp; thay đổi lần thứ 7 ngày 16/01/2013 theo mã số doanh nghiệp 0500236821 chuyển từ số đăng ký kinh doanh 0303000430 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Ngày 30/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SD2 theo Quyết định số 360/QĐ-TTGDCKHN của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).
- Ngày 06/10/2008 Công ty phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược và các Nhà đầu tư nhỏ lẻ để tăng vốn điều lệ của công ty từ 35 tỷ đồng lên 48,54 tỷ đồng.
- Ngày 22/10/2008 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 09/03/2010 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 48,53 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 26/03/2010 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 19/11/2010 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng cho Cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 30/12/2010 Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2.2 Các sự kiện khác:

- Trong quá trình hoạt động Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đã tham gia xây dựng nhiều công trình lớn như: Nhà máy Thủy điện Hòa Bình; Thủy điện Yaly; Thủy điện Sê San 3; Thủy điện Tuyên Quang; Thủy điện Sơn La; Thủy điện Bản Vẽ; Đường dây 500KV; Đường Láng Hòa Lạc; Quốc lộ 1A đoạn Hà Nội Bắc Ninh; Nhà khách Dân tộc; Học viên Bưu chính viễn thông; Đại học Quốc Gia; Dự án đô thị Orange Garden....
- Trong lĩnh vực đầu tư Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đã được các cơ quan quản lý Nhà nước tin tưởng giao cho làm Chủ đầu tư một số dự án có tiềm năng đã được Công ty triển khai hoàn thành cũng như đang triển khai và sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Khu nhà ở Vạn Phúc – Hà Đông – Hà Nội; Khu đô thị Hồ Xương Rồng - Thành phố Thái Nguyên; Khu nhà ở liền kề Thành phố Hoà Bình; Dự án Khu đô thị mới Phú Lương – Hà Đông; Dự án Highland City, thành phố Thái Nguyên; Dự án Mỏ đá Tiến Sơn – Lương Sơn – Hòa Bình...
- Hiện nay Công ty có trên 100 đầu xe máy thiết bị với nguyên giá 218 tỷ đồng, các máy móc thiết bị của công ty đang được sử dụng hiệu quả tại các công trình như: Thủy điện Bản Vẽ; Thủy điện Xêkamán1; Thủy điện Hà Tây – Gia Lai; Xây dựng khu

tái định cư Thủy điện Trung Sơn; Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18; Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Phú Yên; Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng...

- Công ty hiện nay có lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề trên 551 người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và luôn đoàn kết, gắn bó trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.
- Với những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã được Đảng, Nhà Nước và các Bộ, ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như:
 - + Nhiều bằng khen của Chính phủ.
 - + 01 Huân chương độc lập hạng 3.
 - + 01 Huân chương lao động hạng nhất.
 - + 02 Huân chương lao động hạng 2.
 - + 04 Huân chương lao động hạng 3.
 - + 30 huy chương vàng công trình xây dựng đạt chất lượng cao.
 - + Cờ đơn vị xuất sắc Ngành xây dựng năm 2008; 2009; 2010; 2011; 2012; 2013 và nhiều bằng khen của Bộ xây dựng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện;
- Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản;
- Thi công cọc khoan nhồi, đóng ép cọc;
- KD doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Sản xuất, khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Trang trí nội thất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng;
- Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện, kết cấu và các kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế điện đến 220V;
- Nạo vét và bồi đắp mặt bằng nền công trình, thi công các loại móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Xây dựng Công trình giao thông: đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng công trình Thủy lợi: Đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;

- Xây dựng các công trình thủy điện;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng đô thị;

3.2. Địa bàn kinh doanh: Trong những năm gần đây Công ty đang tập trung thi công chính tại các địa bàn như:

- Khu vực Hà Nội và các vùng lân cận (Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Orange Garden; Dự án Khu đô thị Nam An Khánh; Sản xuất bê tông Asphalt tại Đông Anh; Cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 18-đoạn Uông Bí - Hạ Long - Quảng Ninh;.....)
- Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên: (Công trình Thủy điện Bản Vẽ tại Nghệ An; Thủy điện Hương Sơn tại Hà Tĩnh; Đường vào Nhà máy Thủy điện Trung Sơn; Khu tái định cư Thủy điện Trung Sơn tại Thanh Hóa; Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn từ Km1265+000 ÷ 1353+300, tỉnh Phú Yên; Công trình Thủy điện Hà Tây - Gia Lai)
- Khu vực Thái Nguyên và các vùng lân cận (Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng tại Thái Nguyên; Ký túc xá Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật tại Thái Nguyên; Rải bê tông Asphalt Quốc lộ 3...)
- Tại Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào: Sản xuất kinh doanh khai thác Đá xây dựng tại Công trình Thủy điện Xekaman1...

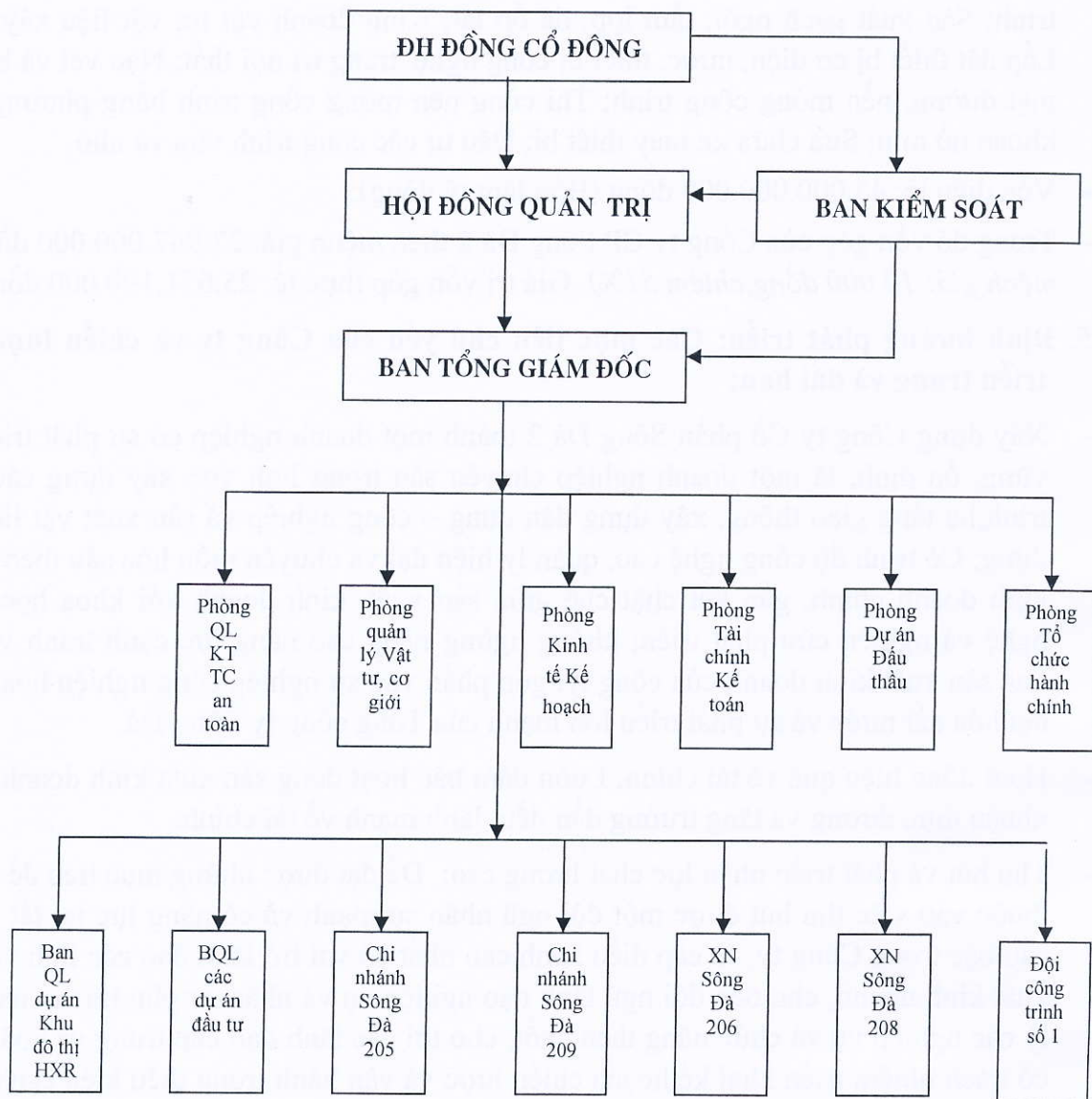
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị:

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy của Công ty cổ phần Sông Đà 2: (Thời điểm ngày 31/12/2013)

- Hội đồng quản trị Công ty : 05 thành viên.
- Ban kiểm soát Công ty : 03 thành viên.
- Ban lãnh đạo Công ty : Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc.
- 06 Phòng ban Công ty: Phòng Tổ chức-Hành chính; Phòng Vật tư-Cơ giới; Phòng Dự án - Đấu thầu; Phòng Kinh tế-Kế hoạch; Phòng Quản lý kỹ Thuật-Thi công an toàn; Phòng Tài chính-Kế toán.
- 04 Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc: Chi nhánh Sông Đà 205; Xí nghiệp Sông Đà 206; Xí nghiệp Sông Đà 208; Chi nhánh Sông Đà 209.
- 01 Ban Quản lý: Ban quản lý DA khu đô thị Hồ Xương Rồng-Thái Nguyên.
- 01 Đội thi công trực thuộc: Đội công trình số 1.

4.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



4.3. Các công ty con, công ty liên kết: (Công ty Con - Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà)

- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại : 0433 511803; Số Fax: 0433 511803
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 07 năm 2010 theo mã số doanh nghiệp 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.
- Ngành nghề hoạt động: Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông, thi công xây lắp các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các

công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất; Nạo vét và bồi đắp mặt đường, nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sửa chữa xe máy thiết bị; Đầu tư các công trình vừa và nhỏ.

- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn lăm tỷ đồng);
- Trong đó vốn góp của Công ty CP Sông Đà 2 theo mệnh giá: 22.967.000.000 đồng (theo mệnh giá: 10.000 đồng, chiếm 51%). Giá trị vốn góp thực tế: 25.651.190.000 đồng.

5. Định hướng phát triển: Các mục tiêu chủ yếu của Công ty và chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp có sự phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng – công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà.
- Hoạt động hiệu quả về tài chính: Luôn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận thực dương và tăng trưởng dần đều, lành mạnh về tài chính.
- Thu hút và phát triển nhân lực chất lượng cao: Để đạt được những mục tiêu đề ra phụ thuộc vào việc thu hút được một đội ngũ nhân sự mạnh và có năng lực tại tất cả các cấp bậc trong Công ty, từ cấp điều hành cao nhất có vai trò lãnh đạo các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cho đến đội ngũ lãnh đạo nghiệp vụ và nhân sự phụ trách việc quản lý các nghiệp vụ và chức năng then chốt, cho tới các lãnh đạo cấp trung và nhân viên có trách nhiệm triển khai kế hoạch chiến lược và vận hành trong điều kiện cạnh tranh khắc nghiệt; Cũng như một đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, bậc cao thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty.
- Xây dựng mô hình quản trị theo hướng hiện đại: Thông qua mô hình quản trị hiện đại đang được áp dụng tại các Công ty lớn trong nước và quốc tế Công ty sẽ tìm hiểu, nghiên cứu, học hỏi và từng bước sẽ áp dụng tại Công ty bao gồm: Cơ cấu tổ chức; Mô hình hoạt động; Các quy trình quản lý.

5.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu từ năm 2011-2015; 2016-2020 của Công ty mẹ như sau:

5.1.1. Kế hoạch 2011 - 2015:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKDBQ hàng năm (2011-:-2015) khoảng 7-12%/năm.
- Tổng giá trị SXKD : 2.143 tỷ đồng.

- Doanh thu : 2.001 tỷ đồng.
- Nộp Ngân sách Nhà nước : 119 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 118 tỷ đồng.
- Giá trị đầu tư : 793 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ : 144 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức bình quân : 08%-12%.
- Nhân lực bình quân : 889 người.
- Thu nhập bình quân người/tháng : 5.400.000 đồng.

5.1.2. Định hướng kế hoạch 2016 - 2020:

Tốc độ tăng trưởng giá trị SXKDBQ hàng năm (2011-2015) khoảng 6-9%/năm.
Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2020 tăng gấp 1,4 lần so với năm 2015;

- Tổng giá trị SXKD : 3.010 tỷ đồng.
- Doanh thu : 2.690 tỷ đồng.
- Nộp Ngân sách Nhà nước : 158 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 159 tỷ đồng.
- Giá trị đầu tư : 469 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ : 144 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức bình quân : 15%.
- Nhân lực bình quân : 1.038 người;
- Thu nhập bình quân người/tháng : 7.390.000 đồng.

5.2. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2011-2015; 2016-2020 của Công ty mẹ như sau:

5.2.1. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2011-2015:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 60% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh. Trong cơ cấu sản phẩm xây lắp Công ty dần chuyển sang lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng giao thông làm chủ đạo để phát huy năng lực hiện có. Ngoài việc thi công xây lắp tại các công trình do Tổng công ty Sông Đà và Công ty làm Chủ đầu tư, Tổng thầu Xây lắp, Công ty tiếp tục tiếp thị tìm kiếm nhận thầu thi công xây lắp các công trình khác tại khu vực Hà Nội và các tỉnh thành khác.
- Giá trị kinh doanh sản xuất công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.
- Giá trị kinh doanh nhà và các dịch vụ khác chiếm khoảng 30% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

5.2.2. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2016-2020:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 65% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh sản phẩm công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 15% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh nhà và các dịch vụ khác chiếm khoảng 20% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

II- Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT đồng thời đã chỉ đạo cho Ban Tổng giám đốc điều hành xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Nhìn chung trong năm 2013 với tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn nhưng với sự cố gắng của tập thể CBCNV Công ty cũng như lường trước được những sự khó khăn về vốn, công việc... mà Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những giải pháp như: Huy động vốn từ các nhà đầu tư thứ cấp cho dự án, phân kỳ, giãn và hoãn các dự án đầu tư... từ những giải pháp trên mà kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 năm 2013 đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính đề ra. Công ty đã thực hiện hoạt động SXKD có lãi, thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN và người lao động, đảm bảo việc làm cho 701 CBCNV với thu nhập bình quân 5.477.000 đồng/người/tháng; Hoàn thành các mục tiêu, tiến độ chính tại công trình do Công ty đảm nhận thi công như: Thủy điện Bản Vẽ, Thủy điện Hà Tây, Thủy điện Tuyên Quang, Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18; Quốc lộ 5B Hà Nội – Hải Phòng; Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng Thái Nguyên; Sản xuất đá dăm và cát nhân tạo tại Thủy điện Xêkaman1 tại nước CHDCND Lào...

1.1. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ thực hiện trong năm 2013:

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013 (10 ⁹ đ)	Thực hiện năm 2013 (10 ⁹ đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2012
1	Giá trị SXKD	400,00	408,45	102%	98,28%
2	Doanh thu	406,60	359,08	88%	92,86%
3	Thực hiện đầu tư	145,3	56,472	39%	47%
4	Lợi nhuận trước thuế	23,12	16,31	71%	97,96%
5	Lợi nhuận sau thuế	17,34	12,23	71%	115,16%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	23,96	22,54	94%	111,17%

7	Thu nhập BQ/CBCNV	5,265	5,477	104%	97,94%
8	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	10%	8%	80%	

1.2. Một số chỉ tiêu tài chính thực hiện trong năm 2013: (Số liệu hợp nhất)

- Tổng tài sản đến 31/12/2013 : 764,46 tỷ đồng;
- Tổng giá trị SXKD thực hiện : 635,73 tỷ đồng;
- Doanh thu : 545,83 tỷ đồng;
- Giá trị đầu tư thực hiện : 57,35 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 15,41 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế : 9,51 tỷ đồng;

Trong đó:

- + Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số : 2,28 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ : 7,23 tỷ đồng;

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành Công ty:

a. Danh sách Ban điều hành Công ty bao gồm:

- + Ông: Phạm Văn Mạnh : Tổng giám đốc công ty.
- + Ông: Trần Văn Trường : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Hoàng Công Phình : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Nguyễn Quốc Doanh : Phó Tổng giám đốc.
- + Ông: Hoàng Văn Sơn : Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ tháng 4/2013)
- + Ông: Nguyễn Hữu Hùng : Kế toán trưởng.

b. Tóm tắt lý lịch:

b.1. Ông Phạm Văn Mạnh - Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 011438208; ngày cấp 29/02/2008; nơi cấp: CA Hà Nội.
- Ngày tháng năm sinh: 30 tháng 10 năm 1965.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Lê Lợi, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: Xóm 3 – Thôn Thượng – Mễ Trì – Từ Liêm – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (121)
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng công trình ngầm.

- Quá trình công tác:

- + 1989-1990: Cán bộ kỹ thuật phòng thi công Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà.
- + 1991-1993 : Đội phó, Đội trưởng Đội công trình thuộc Xí nghiệp xử lý nền móng và cấp thoát nước – Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1993-1994: Chủ nhiệm công trình thuộc Chi nhánh Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1994-1995: Phó giám đốc Chi nhánh tại Vĩnh Phú Công ty Xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1995-1997: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1997-1998: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 1998-1999: Trưởng phòng kỹ thuật, cơ giới - Công ty Xây dựng Sông Đà 14 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 2000-2001: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 2.02 - Công ty Xây dựng Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 2001-2003: Phó phòng Quản lý kỹ thuật Công ty Xây dựng Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + 2003-2005: Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- + Từ 2006 đến nay Tháng 01/2013: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ 07/01/2013 đến nay: Thành viên HĐQT ; Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 15.516 cổ phần, chiếm 0,13% số cổ phần của Công ty.

b.2. Ông Nguyễn Quốc Doanh – Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 113001087; ngày cấp: 14/4/1992; nơi cấp: Công an Hòa Bình.
- Ngày tháng năm sinh: 17 tháng 10 năm 1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: P313, K1 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0433 510542 (143)
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.

- Quá trình công tác:

- + 1982-1983: Công tác tại Xí nghiệp Bê tông nghiền sàng - Tổng công ty XD thủy điện Sông Đà.
- + Từ tháng 9/1983-10/1984: Phó quản đốc phân xưởng bê tông đúc sẵn-Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn-Tổng công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà.
- + Từ tháng 11/1984 đến tháng 9 năm 1985: Trưởng ban vật tư – Xí nghiệp Bê tông đúc sẵn - Công ty XD Dân dụng-Tổng công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 10/1985 đến tháng 7/1988: Cán bộ Phòng Vật tư, Cơ giới-Công ty Xây dựng Dân dụng-Tổng công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 8/1988 đến tháng 12/1995; Phó Phòng Vật tư, Hành chính-Công ty Xây dựng Sông Đà 2-Tổng Công ty XD Sông Đà.
- + Từ tháng 01/1996 đến tháng 11/1997: Cán bộ Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty XD Sông Đà 2.
- + Từ tháng 12/1997 đến tháng 01/2003: Cán bộ phụ trách Kinh tế - Kế hoạch Ban Điều hành dự án ADB2-N4.
- + Từ tháng 02/2003 đến tháng 10/2005: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 2.
- + Từ tháng 11/2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 4.000 cổ phần, chiếm 0,03% số cổ phần của Công ty.

b.3. Ông Hoàng Công Phình – Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 031453728; ngày cấp: 12/06/2006; nơi cấp: Công an Hải Phòng
- Ngày tháng năm sinh: 20/8/1960
- Nơi sinh : Vũ Phúc – Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vũ Phúc – Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 121B - Ngõ 8 - Đường Chiến Thắng, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- **Quá trình công tác:**
- + Từ năm 1982-1989: Làm Điều độ trưởng tại Công ty Thi công Cơ giới Thủy điện Hoà Bình.
- + Từ năm 1989-1997: Làm Đội trưởng đội cơ giới tại Xí nghiệp Vận tải Sông Đà tại Hải Phòng thuộc Công ty Sông Đà 12.

- + Từ năm 1997-2001: Làm Phó giám đốc XN Sông Đà 205 thuộc Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2001-2003: Làm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 202 – Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2003-2004: Làm Trưởng phòng cơ giới – Công ty Sông Đà 2.
- + Từ năm 2005-T02/2006: Làm Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 208-Công ty Sông Đà 2.
- + Từ T03/2006-T08/2008: Làm Giám đốc XN Sông Đà 206-Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ T08/2008-T11/2008: Làm Trưởng Ban chuẩn bị Dự án Thủy điện phía Bắc-Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ tháng 12 năm 2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 1.666 cổ phần, chiếm 0,014% số cổ phần của Công ty.

b.4. Ông Trần Văn Trường – Phó Tổng giám đốc.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 017000787; ngày cấp: 14/07/2009; nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 27 tháng 07 năm 1975
- Nơi sinh : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Nghĩa Lạc - Nghĩa Hưng - Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 802 - Nhà CT7B khu đô thị Văn Quán – Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại cơ quan : 04 33 510 542(133)
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- **Quá trình công tác:**
- + 1996-1999: Chuyên viên Phòng Kế hoạch thẩm định Cục đầu tư và phát triển tỉnh Lai Châu.
- + 2000-2001: Chuyên viên Phòng Tín dụng Chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư và phát triển Lai Châu.
- + 2001-2002: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2002-2003: Trưởng Ban Tài chính Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.02-Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2003-2004: Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2004-2006: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban điều hành dự án Thủy điện Sê San 4 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2006-T4/2010: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.

- + Từ T04/2010 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 8.333 cổ phần, chiếm 0,07% số cổ phần của Công ty.

b.5. Ông Hoàng Văn Sơn – Phó Tổng giám đốc.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/5/1973
- Số CMND : 073017607, cấp ngày 09/11/2007, tại Hà Nội.
- Nơi sinh : Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 26, Cụm 5 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc : 0904743599
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng.
- **Quá trình công tác :**
 - + 04/1999 - 8/2002: Cán bộ kỹ thuật; Công ty Sông Đà 15 (Công ty Sông Đà 9)
 - + 08/2002 - 07/2003: Phó trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty CP Sông Đà 9.
 - + 7/2003 – 12/2006: Trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty CP Sông Đà 9.
 - + 12/2006 – 11/2007: Phó phòng Quản lý kỹ thuật – Thi công, Công ty CP Sông Đà 2.
 - + 11/2007 – 8/2010: Trưởng phòng Đầu tư, Công ty CP Sông Đà 2.
 - + 8/2010 – 3/2013: Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị hồ Xương Rồng, Công ty CP Sông Đà 2.
 - + 03/2013 đến 12/2013: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2; Giám đốc Ban QLDA khu đô thị hồ Xương Rồng.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 23.666 cổ phần, chiếm 0,20% số cổ phần của Công ty.

b.6. Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kế toán trưởng Công ty.

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 183200855; ngày cấp: 10/3/1999; nơi cấp: CA Hà Tĩnh
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 14 tháng 07 năm 1972
- Nơi sinh : Xã Hòa Hải – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Hòa Hải – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.

- Địa chỉ thường trú: Xã Hương Bình – Huyện Hương Khê – Tỉnh Hà Tĩnh.
- Số điện thoại cơ quan :
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- **Quá trình công tác:**
 - + 2004-2005 : Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7.
 - + 2006-2007 : Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
 - + 2007-2008 : Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.08 – Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
 - + 2008-2010 : Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 kiêm Trưởng Ban Tài chính - Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
 - + Từ T04/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Sông Đà 2:** 21.800 cổ phần, chiếm 0,18% số cổ phần của Công ty.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành công ty:

- Tháng 01 năm 2013 Hội đồng quản trị Công ty có Quyết định số 35/QĐ-HĐQT ngày 07/01/2013 về việc: Ông Hồ Văn Dũng thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2. Quyết định số 36/QĐ-HĐQT ngày 07/01/2013 về việc Bổ nhiệm Ông Phạm Văn Mạnh – giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- Tháng 3 năm 2013 Hội đồng quản trị Công ty có Quyết định số 27/QĐ-HĐQT ngày 19/03/2013 về việc Bổ nhiệm ông Hoàng Văn Sơn – giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Với mục tiêu: Xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp có sự phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng – công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, thực hiện việc bảo toàn, phát triển, tích lũy và tối đa hoá lợi tức đối với phần vốn góp của các cổ đông Công ty, không ngừng nâng cao và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà. Để làm được điều đó, Công ty luôn xác định việc thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và đào tạo phát triển nguồn nhân lực là một trong chiến lược quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương doanh nghiệp Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất,

công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.

- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho 100% CBCNV.
- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.
- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm đều có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận, để kịp thời bổ sung nguồn lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến Công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Ngoài ra Công ty còn chú trọng tới công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật. Cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cao cho công nhân kỹ thuật; công tác kèm cặp, đào tạo trên 50 công nhân kỹ thuật mới vào nghề.
- Bên cạnh những mặt tích cực, hiện nay Công ty cũng gặp phải một số khó khăn trong công tác đào tạo, tuyển dụng: với tính chất đặc thù công việc của Công ty không tập trung và địa bàn hoạt động rộng khắp cả trong và ngoài nước, đặc biệt là xây dựng chủ yếu các công trình thủy điện tập trung tại vùng sâu, vùng xa nên việc tuyển dụng các kỹ sư, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao gặp nhiều khó khăn; Mặt khác, do tình hình kinh tế khó khăn, các công trình thiếu vốn nên việc thu vốn của Công ty rất khó khăn, nhiều dự án chậm triển khai nên nhiều cán bộ, công nhân kỹ thuật chưa yên tâm làm việc.
- Tổng số lao động từ năm 2010 - 2012 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (bao gồm các công ty con và công ty liên kết), như sau:

BẢNG TỔNG HỢP CNCNV TOÀN CÔNG TY
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Số TT	Nội dung	2011 (Người)	2012 (Người)	2013 (Người)
I	Tổng số:	856	796	805
II	Phân loại theo công việc			
1	Lao động gián tiếp	249	227	222
2	Lao động trực tiếp, trong đó:	607	569	583
	+ Công nhân kỹ thuật	305	356	234
	+ Lao động thời vụ	235	226	150
	+ Lao động phổ thông	67	73	77

III	Phân loại theo trình độ học vấn			
1	Trên Đại học	4	3	3
2	Đại học	157	153	154
3	Cao đẳng, Trung cấp	88	71	65
4	Thợ bậc cao (từ bậc 5 trở lên)	29	34	55
5	Thợ bậc thấp, công nhân và LĐ phổ thông	578	535	528

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình đầu tư tại các dự án:

Trong năm 2012 Công ty thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá lại các dự án đầu tư của Công ty để tập trung vốn cho các dự án chuẩn bị hoàn thành và các dự án đang triển khai thực sự có hiệu quả kinh tế cao, đối với các dự án chưa đủ các điều kiện cần thiết (thiếu thủ tục pháp lý, chưa xác định được nguồn vốn) thì dừng hoặc giãn tiến độ và dừng và chuyển nhượng các dự án đầu tư kém hiệu quả, ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, cụ thể công tác đầu tư các dự án trong năm 2012 và lũy kế đến 31/12/2012 của toàn công ty như sau:

Thực hiện công tác đầu tư năm 2013: Tổng giá trị đầu tư năm 2013 của Công ty đạt: 56,472 tỷ đồng/145,3 tỷ đồng, bằng 39%.

Trong đó:

- Đầu tư đô thị : 52,828 tỷ đồng.
- Đầu tư khai thác VLXD : 0 đồng.
- Đầu tư thiết bị : 3,644 tỷ đồng.

a. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng – Thành phố Thái Nguyên:

- Tổng mức đầu tư : 1.019.090.733.265 đồng.
- Giá trị đầu tư năm 2013: 52,692 tỷ đồng/135 tỷ đồng, bằng 39%.
- Lũy kế đã đầu tư đến 31/12/2013 : 438.893.269.142 đồng.
- Giá trị còn phải đầu tư : 580.197.464.269 đồng.
- **Công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:** Trong năm 2013 diện tích đất đã GMPB là 7.664,9 m² (tương ứng 28,667 tỷ đồng), lũy kế GMPB từ đầu dự án là 36,99 ha (tương ứng 253,39 tỷ đồng).
- **Công tác thi công công trình:** Tập trung thi công Hạ tầng kỹ thuật tại các lô đất đã thực hiện Đầu tư thứ cấp và của các khách hàng nhỏ lẻ để đảm bảo tiến độ theo Hợp đồng hợp tác đã ký kết.

b. Dự án Nhà ở liền kề Hoà Bình (1,5ha):

- Tổng mức đầu tư : 85.439.900.000 đồng.

- Giá trị đầu tư năm 2013: 0,136 tỷ đồng/5 tỷ đồng, bằng 3%.
- Lũy kế đã đầu tư đến 31/12/2013 : 2.491.184.582 đồng.
- Giá trị còn phải đầu tư : 82.948.715.418 đồng.
- Đang triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư và công tác giải phóng mặt bằng, lập quy hoạch điều chỉnh...

c. Đầu tư Mỏ đá Tiến Sơn – Huyện Lương Sơn – Tỉnh Hòa Bình:

- Tổng mức đầu tư : 31.024.974.290 đồng.
- Giá trị đầu tư năm 2013 : 273.551.000 đồng
- Lũy kế đã đầu tư đến 31/12/2013 : 948.598.546 đồng.
- Giá trị còn phải đầu tư : 30.076.375.744 đồng.
- Thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở; Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; Xin cấp phép đầu tư xây dựng.

d. Đầu tư thiết bị: Đã thực hiện đầu tư một số thiết bị phục vụ thi công Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng; Công trình Thủy điện Bản Vẽ; Thủy điện Hương Sơn giá trị thực hiện năm 2013 là: 3,644 tỷ đồng/3,3 tỷ đồng, bằng 110% kế hoạch năm.

e. Tình hình đầu tư tài chính đến 31/12/2013:

Số TT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư tại 31/12/2013
I	Đầu tư vào công ty con	25.651.190.000
1	Công ty Cổ phần CTGT Sông Đà	25.651.190.000
II	Đầu tư, góp vốn vào các công ty khác	27.894.664.999
1	Công ty CP Sông Đà 2.07	12.000.000.000
2	Công ty CP Thủy điện Đắkrinh	600.000.000
3	Công ty CP Sông Đà 7	80.000.000
4	Công ty CP Sông Đà 25	1.188.774.090
5	Công ty CP Dầu khí Nhơn Trạch II	1.500.000.000
6	Công ty CP Đầu tư đô thị và KCN Sông Đà 7	4.685.000.000
7	Công ty CP Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà	2.200.000.000
8	Công ty CP Đầu tư PTĐT & KCN Sông Đà Miền Trung	3.000.000.000
9	Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000

10	Liên danh Sông Đà 2 – Trung Việt – A.D.E.L	1.045.890.909
11	Liên danh Sông Đà 2 – Trung Việt – Hồng Quang	1.010.000.000
	Tổng cộng	53.545.854.999

3.2. Công ty con, công ty liên kết: (Công ty con - Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà)

- Địa chỉ : Km10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại : 0433 511803; Số Fax: 0433 511803
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 07 năm 2010 theo mã số doanh nghiệp 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.
- Ngành nghề hoạt động: Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông, thi công xây lắp các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; Kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, tấm lợp, đá ốp lát; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất; Nạo vét và bồi đắp mặt đường, nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sửa chữa xe máy thiết bị; Đầu tư các công trình vừa và nhỏ.
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn lăm tỷ đồng);
- Trong đó vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 theo mệnh giá: 22.967.000.000 đồng (theo mệnh giá: 10.000 đồng, chiếm 51%). Giá trị vốn góp vốn thực tế: 25.651.190.000 đồng.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

ĐVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng giảm (%)
- Tổng giá trị tài sản	612.758.252	615.756.503	100,5%
- Doanh thu thuần	380.814.099	350.435.677	92%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.814.204	17.450.185	98%
- Lợi nhuận khác	(1.162.928)	(1.138.130)	97,86
- Lợi nhuận trước thuế	16.651.276	16.312.054	97,96
- Lợi nhuận sau thuế	10.625.172	12.236.083	115,16
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	8%	100%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,5	1,20	
+ Hệ số thanh toán nhanh				
TSLĐ - Hàng tồn kho	Lần	0,6	0,81	
Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	0,7	76,17	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	2,1	319,7	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán	Vòng	1	3,44	
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		0,6	0,96	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				

+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	2,8	1,81	
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	5,9	7,28	
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	1,73	1,73	
+ Hệ số LN từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	4,67	2,75	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- + Tổng số cổ phần của công ty : 12.000.000 cổ phần.
- + Số cổ phần đang lưu hành : 12.000.000 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 12.000.000 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm chốt danh sách Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 26/02/2014: Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Sông Đà, cổ phần nắm giữ: 5.880.000 cổ phần, chiếm 49% vốn điều lệ.

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Tổ chức	6.284.638	52,37%
	- Trong nước	6.276.638	52,30%
	- Nước ngoài	8.000	0,07%
2	Cá nhân	5.715.362	47,63%
	- Trong nước	5.666.341	47,22%
	- Nước ngoài	49.021	0,41%
3	Tổng cộng	12.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2013 công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Công ty không có phát sinh chứng khoán khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Sự hội nhập của kinh tế đất nước với nền kinh tế khu vực và trên thế giới đã tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng trong quá trình nắm bắt được các cơ hội kinh doanh mới.
- Uy tín và thương hiệu về chất lượng sản phẩm, tiến độ thi công các công trình của Tổng công ty Sông Đà nói chung và Công ty cổ phần Sông Đà 2 nói riêng không ngừng phát triển và được khẳng định.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Công ty đoàn kết, có nhiều kinh nghiệm, năng động và nhiệt tình trong công việc. Đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề có kinh nghiệm luôn được bổ sung kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và sản xuất kinh doanh.
- Công ty luôn được các tổ chức tín dụng đánh giá là đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả và uy tín. Vì vậy luôn giữ được chữ tín trong mối quan hệ tín dụng.

b. **Khó khăn:** Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn có nhiều khó khăn như: Thị trường việc làm và Bất động sản trầm lắng, một số công trình do chưa bố trí được nguồn vốn nên chậm triển khai, việc tiếp cận và vay vốn với các tổ chức tín dụng và ngân hàng không thuận lợi đã tác động không nhỏ đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính năm 2013:

a. Số liệu Báo cáo hợp nhất

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 ⁶ đ)	Thực hiện (10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2012
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	580.000	641.873	110,67 %	112,61 %
2	Doanh thu	588.420	539.427	91,67 %	100,49 %
3	Thực hiện đầu tư	150.300	57.357	38,16 %	47,62 %
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	41.726	41.499	99,46 %	122,91 %
5	Lợi nhuận trước thuế	35.128	15.409	43,87 %	60,03 %
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	5,75 %	2,86 %	49,7 %	59,34 %
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	29,27 %	12,84 %	43,86 %	120,68 %
8	Tổng số CBCNV	1.315	1.136	86,35 %	90,59 %

		người	người		
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	5.182.000	5.504.000	106,23 %	105,28 %
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	10 %	8 %	80 %	100 %

b. Số liệu Báo cáo riêng Công ty mẹ

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 ⁶ đ)	Thực hiện (10 ⁶ đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2012
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	400.000	408.079	102%	104%
2	Doanh thu	406.602	359.085	88%	93%
3	Thực hiện đầu tư	145.300	56.472	39%	47,03%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	23.960	22.549	94%	111%
5	Lợi nhuận trước thuế	23.128	16.312	71%	97%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	5,69	4,54	80%	105%
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	19,27	13,59	71%	97%
8	Tổng số CBCNV	900	701	78%	86%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	5.265	5.477	104%	97%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	10%	8%	80%	100%

Vốn cho SXKD và đầu tư đến 31/12/2013 của Công ty mẹ:

Trong đó:

- + Vốn chủ sở hữu : 191,3 tỷ đồng.
 - ✓ Vốn điều lệ : 120,0 tỷ đồng.
 - ✓ Thặng dư vốn : 18,5 tỷ đồng.
 - ✓ Các quỹ doanh nghiệp : 21,2 tỷ đồng.
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 31,5 tỷ đồng.
- + Vốn vay SXKD : 164,1 tỷ đồng.
 - ✓ Vốn ngắn hạn : 91,7 tỷ đồng.
 - ✓ Vốn trung hạn, dài hạn : 72,4 tỷ đồng.

(Kèm theo các phụ lục chi tiết về số liệu)

2. Tình hình Tài chính: (Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty)

2.1. Báo cáo hợp nhất:

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,43
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,51
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,10
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,76
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26,12
3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	91,19
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	8,81
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	1,77
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,24
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000 đ/cp)		
- Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành)	Đồng	602

2.2. Báo cáo Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,45
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,55
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,11
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	68,92
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	31,08
3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	88,86
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11,14

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	3,49
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ thực góp	%	10,20
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,99
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG: 10.000 đ/cp)		
- Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành)	Đồng	1.020

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Trong năm 2013 công ty đã thực hiện cơ bản hoàn thành các mục tiêu, tiến độ đề ra tại các công trình, dự án Công ty tham gia thi công, cụ thể:

3.1. Công trình Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18: Mặc dù Chủ đầu tư rút ngắn tiến độ thi công từ 24 tháng xuống còn 12 tháng, thời gian thi công trong mùa mưa bão kéo dài nhưng Công ty vẫn tổ chức thi công xong kết cấu nền đường, rải bê tông nhựa nóng phần kết cấu mặt đường; thi công cơ bản xong 02 cầu Thác Cát, Thủy Lợi đảm bảo tiến độ thông xe theo yêu cầu của Chủ đầu tư, hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch năm đề ra.

3.2. Công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1265 đến Km 1353 thuộc tỉnh Phú Yên: Hợp đồng thi công xây lắp với Chủ đầu tư được ký kết vào tháng 12/2013. Hiện nay Công ty đã huy động đủ xe máy thiết bị và nhân lực để thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, môi trường theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

3.3. Công trình Khu tái định cư số 4 - Huyện Vân Hồ - tỉnh Sơn La: Hợp đồng thi công xây lắp với Chủ đầu tư được ký kết vào tháng 12/2013. Hiện nay Công ty đang huy động xe máy thiết bị, nhân lực, tiền vốn để thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, môi trường theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

3.4. Công trình đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng: Tổ chức thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

3.5. Công trình Thủy điện Bản Vẽ: Hạng mục xử lý mái đào vai trái và kênh mái đào vào CNN bắt đầu triển khai thi công từ tháng 3/2013. Tuy nhiên, đến tháng 6/2013 do tăng địa chất không ổn định nên đơn vị đã thống nhất với Chủ đầu tư tạm dừng thi công. Đến tháng 2/2014 Công ty đã triển khai thi công trở lại.

3.6. Công trình Thủy điện Hà Tây: Công trình bắt đầu triển khai thi công từ tháng 5/2013. Mặc dù CĐT phê duyệt thiết kế thay đổi chậm, thời tiết mưa kéo dài, nguồn vật liệu thiếu nhưng Công ty vẫn hoàn thành được các mục tiêu tiến độ cũng như kế hoạch năm 2013.

3.7. Công trình Thủy điện Xekaman 1: Công ty đã cố gắng tập trung tối đa mọi nguồn lực với kết quả thực hiện năm 2013 vượt kế hoạch đề ra.

3.8. Công trình khu đô thị Hồ Xương Rồng: Do Thị trường Bất động sản tiếp tục trầm lắng, công tác huy động vốn từ Nhà đầu tư thứ cấp và khách hàng gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, Công ty đã tập trung hoàn thiện phần Hạ tầng kỹ thuật chủ yếu các lô

đất đã ký kết hợp đồng Hợp tác đầu tư với Nhà đầu tư thứ cấp, khách hàng nhỏ lẻ và một phần diện tích đã GMPB để đảm bảo tiến độ bàn giao.

3.9. Công tác kinh doanh BĐS tại dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng: Mặc dù gặp nhiều khó khăn về thị trường, Công ty chủ động giãn tiến độ đầu tư tại công trình. Nhưng bằng nhiều biện pháp như tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư thứ cấp, khách hàng nhỏ lẻ, hợp tác bán hàng qua sàn giao dịch BĐS. Năm 2013 Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh BĐS góp phần mang lại hiệu quả cho dự án và Công ty.

4. Về tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2013: Giá trị thực hiện: **56,472/145,300** tỷ đồng bằng 39% kế hoạch. Trong đó:

+	Đầu tư thiết bị	:	3,64/3,3 tỷ đồng.
+	Đầu tư đô thị, bất động sản	:	52,83/140,00 tỷ đồng.
+	Đầu tư mở VLXD	:	0/2 tỷ đồng.

Đánh giá chung:

- Công tác đầu tư trong năm 2013 của Công ty chủ yếu là thực hiện đầu tư dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng; Công ty đã phân kỳ đầu tư và đề ra phương án bán hàng hợp lý để huy động vốn phù hợp với giai đoạn hiện nay.
- Các dự án đầu tư khác Công ty chỉ thực hiện công tác hoàn thiện hồ sơ pháp lý và các thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

4.1. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên:

- Do nguồn vốn huy động cho dự án gặp nhiều khó khăn, công tác bố trí, sắp xếp khu tái định cư của tỉnh Thái Nguyên chậm dẫn đến hiệu quả công tác GPMB thấp. Trong năm 2013 diện tích đất đã GMPB là 7.664,9 m² (tương ứng 28,667 tỷ đồng), lũy kế GMPB từ đầu dự án là 36,99 ha (tương ứng 253,39 tỷ đồng);
- Tích cực, chủ động và có các giải pháp tốt trong quá trình làm việc với các Sở ban ngành và UBND tỉnh Thái Nguyên để được cấp GCNQSD (sổ đỏ) cho các lô đất để tạo tính thanh khoản cho dự án. Kết quả năm 2013 đã được cấp GCNQSD đất đợt 1 và đợt 2 với tổng số 353 bìa (353 lô đất) tương ứng diện tích 52.195,12 m² đất ở.
- Công tác xây lắp: Tập trung thi công Hạ tầng kỹ thuật tại các lô đất đã thực hiện Đầu tư thứ cấp và của các khách hàng nhỏ lẻ để đảm bảo tiến độ theo Hợp đồng hợp tác đã ký kết.

4.2. Dự án Đầu tư khai thác mỏ đá Tiến Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình; Dự án khu nhà liền kề phường Hữu Nghị - Hòa Bình: Đang thực hiện các thủ tục để được cấp phép đầu tư. Do tình hình thị trường nên Công ty chủ động giãn, hoãn đầu tư.

4.3. Đầu tư máy móc thiết bị: Giá trị thực hiện 3,644 tỷ đồng/3,3 tỷ đồng đạt 110,42% kế hoạch năm. Trong năm 2013 Công ty đã thực hiện đầu tư 02 ô tô tải ben phục vụ thi công tại công trình Thủy điện Xekaman1, 01 Trạm nghiền sàng đá CMD 186-187 phục vụ thi công tại công trình Thủy điện Hà Tây và một số thiết bị khác phục vụ quản lý và điều hành Công ty.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phương châm: Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp có sự phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp mạnh trong Tổng công ty Sông Đà và Ngành xây dựng hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh nhà ở và khu đô thị, có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà.

- 5.1. Phát triển công ty hoạt động hiệu quả, có tiềm lực tài chính, phát triển chuyên ngành kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng – công nghiệp và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- 5.2. Phát triển Công ty có vốn chủ sở hữu lớn, hoạt động hiệu quả, tận dụng tối ưu mọi nguồn lực và có tính cạnh tranh cao.
- 5.3. Giảm đầu mối, tránh cạnh tranh nội bộ; Tinh giảm bộ máy quản lý và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp vào điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 5.4. Hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà vào Công ty Cổ phần Sông Đà 2. Xem xét việc thoái vốn đầu tư tại các dự án và các doanh nghiệp theo đề án tái cấu trúc đã được Tổng công ty thông qua.
- 5.5. Tiếp tục rà soát và hoàn thành việc hoàn thiện bổ sung các quy chế quy định quản lý của Công ty hoàn thành trong quý II/2014;
- 5.6. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt. Xây dựng tập thể công nhân kỹ thuật có tay nghề cao có tác phong sản xuất công nghiệp đáp ứng yêu cầu của công nghệ, trình độ tiên tiến, hiện đại.
- 5.7. Thực hiện thi công đảm bảo đúng thiết kế, đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo an toàn lao động tại các công trình do Công ty thi công.
- 5.8. Thực hiện nhiệm vụ triển khai, tổ chức thi công, quản lý và kinh doanh dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và các dự án khác do Công ty làm Chủ đầu tư đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và hiệu quả kinh tế;
- 5.9. Tăng cường công tác hạch toán kinh doanh, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tích lũy vốn.

5.10. Tập trung mọi nguồn lực, tổ chức, sắp xếp nhân lực, máy móc thiết bị để tổ chức thi công, triển khai các dự án, công trình như:

a. Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng:

- Giá trị sản lượng xây lắp kế hoạch năm 2014 : 20,88 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Tiếp tục thi công các hạng mục đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, hệ thống điện, điện chiếu sáng, cây xanh cảnh quan tại các khu vực đã ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư thứ cấp, khách hàng nhỏ lẻ để đảm bảo tiến độ bàn giao; Tập trung thi công hoàn thiện 02 căn nhà mẫu phục vụ công tác bán hàng và giới thiệu sản phẩm.

b. Công trình Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km1265+000 đến Km1353+300 thuộc tỉnh Phú Yên:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 29,69 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Tập trung máy móc thiết bị, nhân lực, tiền vốn để triển khai thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, môi trường theo Hợp đồng đã ký kết.

c. Công trình Gói thầu W-RE-20 Xây dựng khu tái định cư ở huyện Mộc Châu - Sơn La:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 69,11 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Tập trung thi công đảm bảo hoàn thành các hạng mục công trình trong năm 2014 theo Hợp đồng đã ký kết với Chủ đầu tư.

d. Công trình Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 33,93 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Thi công xong toàn bộ các khối lượng công việc còn lại. Hoàn thành hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán công trình và bàn giao đưa vào sử dụng.

e. Gói thầu A2 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 20 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Thi công xong toàn bộ các khối lượng công việc còn lại đảm bảo tiến độ, chất lượng theo Hợp đồng đã ký kết. Tiếp tục công tác tiếp thị để được giao thêm một số hạng mục công việc khác tại dự án.

f. Đường bao quanh khu tưởng niệm Chu Văn An - Thanh Trì- Hà Nội:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 75 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Tập trung xe máy, thiết bị triển khai thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng theo Hợp đồng đã ký kết.

g. Công trình Thủy điện Bản Vẽ:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 49,5 tỷ đồng

- Mục tiêu tiến độ: Thi công cơ bản xong khối lượng chính hạng mục Xử lý mái đào vai trái và mái đào kênh vào CNN theo tiến độ hợp đồng đã ký kết. Tiếp thị đấu thầu để được giao thi công một số khối lượng hạng mục khác trong năm 2014.

h. Công trình Thủy điện Hà Tây:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 74,4 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Hoàn thành công tác đổ bê tông các hạng mục: Đập dâng bờ phải, Đập dâng bờ trái, Cửa lấy nước, Đường ống áp lực, Nhà máy và thi công xong hạng mục Đập đất, gia cố mái Đập dâng bờ trái, Đập dâng bờ phải.

j. Hạ tầng kỹ thuật trường cao đẳng Tài nguyên và môi trường:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 10 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Tiếp tục thi công các hạng mục đường giao thông nội bộ, vỉa hè đảm bảo tiến độ, chất lượng theo Hợp đồng đã ký kết. Hoàn thành hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán công trình.

k. Sản xuất công nghiệp tại công trình Thủy điện Xekaman 1:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 110 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Tập trung tối đa xe máy thiết bị, nhân lực đảm bảo thi công ca 3; Sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời để vận hành công suất tối đa cho phép của trạm nghiền sàng 1000T/h; Trạm nghiền sàng 200T/h nhằm đáp ứng tiến độ cung cấp cát xay và đầm dăm các loại phục vụ công tác đổ bê tông RCC và bê tông CVC theo tiến độ đề ra.

l. Sản xuất công nghiệp tại mỏ đá Tân Trung và Trung Màu:

- Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2014 : 70 tỷ đồng
- Mục tiêu tiến độ: Duy trì sản xuất đảm bảo cung cấp cho các khách hàng.

m. Kinh doanh nhà:

- Giá trị kế hoạch kinh doanh : 60 tỷ đồng.
- Mục tiêu tiến độ: Hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, bàn giao toàn bộ diện tích đất ở (có đủ điều kiện theo hợp đồng) cho Nhà đầu tư thứ cấp; Lập các phương án bán hàng cho từng thời điểm phù hợp với thị trường bất động sản; Hoàn thiện hạ tầng một số khu vực phía đường Bắc Nam, Đường Phan Đình Phùng để xúc tiến bán hàng.

6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Đơn vị kiểm toán chấp nhận toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty: Trong năm 2013 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác chính sau:

- Trên cơ sở kế hoạch của năm 2013 đã đề ra và thực tế triển khai thực hiện, với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, HĐQT đã tiến hành giám sát, quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, đã xác định được các vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kế hoạch hoạt động phù hợp, đồng thời cùng với Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty như: Tìm kiếm việc làm; Cơ cấu sắp xếp lại mô hình tổ chức và nhân lực, công tác đầu tư các dự án, công tác quản lý tài chính v.v ...
- Công tác tiếp thị và đấu thầu 2013 đã được Hội đồng quản trị coi là công việc quan trọng hàng đầu và xuyên suốt, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành hoàn thiện sự phân công trách nhiệm từ lãnh đạo Công ty đến một số Trưởng phòng chức năng liên quan tiếp tục củng cố đội ngũ làm hồ sơ thầu, thường xuyên tổ chức hội ý, rút kinh nghiệm công tác đấu thầu và giao một phần nhiệm vụ tiếp thị đấu thầu cho các Chi nhánh. Kết quả trong năm 2013 đã tìm kiếm được việc làm tại các dự án: Quốc lộ 5b (Hải Dương); Quốc lộ 1A (đoạn qua tỉnh Phú Yên); Hạ tầng tái định cư thủy điện Trung Sơn (Thanh Hóa); Công trình Thủy điện Hà Tây; Dỡ gia tải và xử lý mái đào vai trái cửa nhận nước tại công trình Thủy điện Bản Vẽ và một số dự án khác...
- Có phương án đầu tư hoặc đấu thầu các dự án phù hợp với tình hình thực tế phát triển của Công ty, không dàn trải nên các dự án hiện đang phát huy hiệu quả, và tiết kiệm chi phí.
- Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác thi công, bố trí ổn định tổ chức trên các công trường thực hiện đúng tiến độ, trong đó đã tổ chức phát động thi đua tại một số dự án trọng điểm. Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy:
- Phân công lại trách nhiệm cho các cán bộ của máy quản lý điều hành Công ty trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của mỗi cá nhân lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình.
- Bổ sung cán bộ đối với Ban điều hành (Bổ nhiệm Tổng giám đốc thay thế Tổng giám đốc cũ đi nhận nhiệm vụ tại Tổng công ty Sông Đà và bổ nhiệm mới 01 Phó tổng giám đốc Công ty), bố trí lại cơ cấu các phòng ban chức năng, nhằm tăng thêm hiệu quả và phù hợp hơn với nhiệm vụ SXKD của Công ty cụ thể: Đổi tên phòng Đầu tư Công ty thành: Phòng Dự án và Đấu thầu Công ty (Trên cơ sở sáp nhập chức năng, nhiệm vụ, hồ sơ, trang thiết bị làm việc và nhân sự của bộ phận tiếp thị đấu thầu thuộc phòng Kinh tế - Kế hoạch vào phòng Đầu tư, đồng thời sắp xếp tổ chức lại phòng Đầu tư Công ty); Nghị quyết phê duyệt để Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm và luân chuyển một số vị trí cán bộ có trình độ, năng lực phụ trách đơn vị trực thuộc và các phòng chức năng của Công ty.
- Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy chế: Đi liền với việc cơ cấu sắp xếp lại tổ chức bộ máy, HĐQT Công ty cũng chỉ đạo việc thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số quy chế quản lý của Công ty cho phù hợp với cơ cấu tổ chức cũng như khắc phục

những hạn chế của những quy chế đang áp dụng của Công ty. Tất cả các quy chế nội bộ của Công ty ban hành đã và đang được HĐQT Công ty chỉ đạo xây dựng lại trên cơ sở phân tích đánh giá một cách khách quan, khoa học những mặt ưu điểm, hạn chế của các quy định hiện hành, những mặt chưa được cần điều chỉnh hoặc cần phải bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và yêu cầu của hoạt động SXKD của Công ty, các quy chế sau khi soạn thảo đều được HĐQT Công ty chỉ đạo cho lấy ý kiến đóng góp, bổ sung và hoàn thiện của Ban điều hành Công ty, các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo tính dân chủ, nâng cao tính phù hợp và có hiệu quả của quy chế.

- Cơ cấu sắp xếp lại nguồn nhân lực: Trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế cũng như của Công ty, HĐQT công ty đã xác định cần phải cơ cấu sắp xếp lại lao động theo hướng tinh giảm, đảm bảo gọn nhẹ, phát huy cao nhất về năng lực, nhiệt huyết của các thành viên trong công việc. Trên cơ sở đó HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty tiến hành rà soát, đánh giá lại toàn bộ nguồn nhân lực của Công ty, xây dựng phương án cơ cấu sắp xếp cho thật phù hợp, hiệu quả, đồng thời chỉ đạo thực hiện việc cơ cấu sắp xếp lại lao động đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động, giữ vững sự ổn định của hoạt động SXKD của Công ty.
- Chỉ đạo công tác quản trị tài chính kế toán: Trong năm 2013, khó khăn về việc làm, khó khăn về tiêu thụ sản phẩm đầu tư do thị trường bất động sản trầm lắng và sa sút là áp lực lớn đối với Công ty, thêm vào đó là sự thắt chặt tín dụng cũng như điều kiện giải ngân, cho vay của các ngân hàng đã kéo theo những khó khăn về vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Trước tình hình đó, HĐQT Công ty đã chỉ đạo và cùng Ban điều hành triển khai một cách đồng bộ và linh hoạt các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác quản trị tài chính. Bên cạnh việc liên hệ chặt chẽ với các ngân hàng để đảm bảo vốn phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ SXKD với hạn mức tín dụng, lãi xuất phù hợp v.v... HĐQT cùng Ban điều hành Công ty tập trung tối đa vào việc thu hồi công nợ tồn đọng tại các công trình, dự án Công ty thi công, chỉ đạo các đơn vị trực tiếp tham gia sản xuất phải tăng cường và tích cực trong công tác xác định doanh thu, thu hồi vốn một cách nhanh, gọn. Bên cạnh đó HĐQT Công ty cũng xác định các mục tiêu ưu tiên và triển khai trong giai đoạn khó khăn về vốn đối với các dự án đầu tư của Công ty để đảm bảo không đầu tư dàn trải, không có hiệu quả, mất cân đối về vốn.
- Phân công lại trách nhiệm và giao việc cụ thể cho các cán bộ làm nhiệm vụ thu hồi công nợ cũ, công nợ khó đòi và tổ chức kiểm điểm thường xuyên, tăng cường sự chỉ đạo của Tổng giám đốc đối với công tác này. Tăng cường nhiều giải pháp về thu vốn và huy động vốn cho sản xuất và đầu tư đồng thời trả nợ đúng hạn các khoản vay. Kết quả là đảm bảo cơ bản đáp ứng được vốn phục vụ công tác thi công xây lắp tại các công trình và từng bước triển khai đầu tư tại các dự án khác của Công ty.
- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành định kỳ tổ chức kiểm tra kinh tế, công tác hạch toán kinh doanh, công tác hợp đồng và công tác phân tích hoạt động kinh tế.

- Công tác quản lý và sử dụng thiết bị và phương tiện thi công. Kiểm tra định kỳ công tác quản lý cơ giới.
- Chỉ đạo công tác đầu tư: Lĩnh vực đầu tư xây dựng các dự án là lĩnh vực kinh doanh chiến lược mà Công ty đã và đang triển khai trong giai đoạn 2010 ÷ 2015, tuy nhiên năm 2013, đứng trước khó khăn trì trệ của thị trường, sự ứ đọng của thị trường bất động sản v.v... HĐQT Công ty chỉ đạo chỉ tập trung vào thực hiện một số hạng mục của dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng để thực hiện việc vay vốn ngân hàng và huy động vốn của nhà đầu tư thứ cấp, các khách hàng nhỏ lẻ, mặt khác chỉ đạo tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chờ đợi khi thị trường ấm lên và Công ty có đủ vốn thì sẽ triển khai thực hiện mạnh mẽ hơn. Kết quả kinh doanh bất động sản 2013 có hiệu quả tốt.

Nhìn chung trong bối cảnh nền kinh tế đất nước đang bất ổn và còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị Công ty đã vận dụng phù hợp với tình hình và hoàn cảnh của Công ty năm 2013 trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đã có những quyết định đúng đắn trong việc đầu tư có chọn lọc không dàn trải, phù hợp với khả năng của Công ty mà trong điều kiện tài chính tiền tệ biến động xấu, chính vì vậy Công ty giữ vững được sự phát triển và an toàn về tài chính.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2013 các chỉ tiêu kinh tế của Công ty đạt được chưa cao như mong muốn và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đề ra; Song Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cũng đã có rất nhiều cố gắng tập trung triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết và sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, đã điều hành đơn vị hoàn thành được nhiệm vụ kế hoạch SXKD đề ra, sản xuất được duy trì, việc làm của người lao động được đảm bảo, trả lương cho cán bộ công nhân tương đối kịp thời; đời sống CBCNV nói chung ổn định.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, các Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ và hàng tháng, hàng quý đều xem xét, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, từ đó chủ động đưa ra những quyết định quản lý, điều hành điều chỉnh kịp thời, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch và biện pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý trong năm 2013, giao kế hoạch chi phí giá thành, chi phí quản lý, khấu hao tài sản cố định, kế hoạch thu vốn, thu hồi công nợ cũ... đảm bảo đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình quản lý, điều hành.
- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc.
- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện và giải quyết cơ bản các vướng mắc trong công tác dự toán, nghiệm thu, thanh quyết toán với Chủ đầu tư tại các công trình trọng điểm như: Công trình Thủy điện Bản Vẽ; Thủy điện Tuyên Quang; Quốc lộ 18; Công trình Hạ tầng kỹ thuật Orange Garden và các dự án khác...

- Thực hiện và đưa ra các biện pháp về thu hồi công nợ tồn đọng, khó đòi.
- Thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư, không dàn trải cổ phiếu một số doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện việc huy động vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2013 đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời.
- Thực hiện công bố thông tin về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định và yêu cầu của Nhà nước và các cơ quan quản lý.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2014 đứng trước những khó khăn, thử thách trong khi tình hình kinh tế đất nước đang trong đà phục hồi. Hội đồng quản trị Công ty đã họp bàn và đề ra các phương án, giải pháp tích cực và cụ thể để khắc phục những tồn tại của năm 2013, cũng như xây dựng các mục tiêu, định hướng, kế hoạch cho năm 2014 và tương lai, cụ thể như sau:

3.1. Định hướng:

- Tập trung xây dựng Công ty Cổ phần Sông Đà 2 trở thành một trong những Công ty mạnh của Tổng công ty, với sản phẩm chính là xây lắp, hạ tầng giao thông xây lắp dân dụng – công nghiệp. Bên cạnh đó vẫn duy trì và phát triển ngành nghề:
 - + Sản xuất công nghiệp - Vật liệu xây dựng.
 - + Đầu tư những dự án phù hợp với ngành nghề và khả năng tài chính của Công ty như các khu đô thị, nhà ở.....
- Năm 2014 tiếp tục đầu tư dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng trên cơ sở phù hợp thị trường và bảo toàn phát triển được vốn; Dự án mỏ đá Tiến Sơn – Lương Sơn – Hòa Bình chuẩn bị đầu tư để có sản phẩm cung cấp trên thị trường khu vực Hà Nội từ năm 2015 trở đi....
- Tăng cường mở rộng thị phần xây lắp các công trình: Xây dựng dân dụng – công nghiệp và công trình hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, thủy lợi; Đồng thời thi công các công trình thủy điện trên cơ sở năng lực thiết bị, xe máy hiện có của lĩnh vực này.
- Đến năm 2015 tỷ trọng giữa các ngành nghề như sau:
 - + Xây lắp : Khoảng 65%;
 - + Sản xuất công nghiệp : Khoảng 15%;
 - + Kinh doanh BĐS và KD khác : Khoảng 20%;

3.2. Một số chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính chủ yếu năm 2014 – riêng công ty mẹ:

- Tổng giá trị SXKD : 450,00 tỷ đồng,

Trong đó:

- + Xây lắp : 280,00 tỷ đồng,
- + Kinh doanh nhà : 60,00 tỷ đồng,
- + Sản xuất CN : 110,00 tỷ đồng,

- Doanh thu : 418,37 tỷ đồng,
- Nộp ngân sách : 18,59 tỷ đồng,
- Lợi nhuận : 18,00 tỷ đồng,
- Cổ tức : 10%.
- Thu nhập bình quân CBCNV : 5,73 triệu đồng/người/tháng.

3.3. Một số nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo thực hiện kế hoạch 2014.

- Công tác tiếp thị và đấu thầu 2014 phải được coi là công việc quan trọng hàng đầu và xuyên suốt.
- Định kỳ tổ chức kiểm tra kinh tế, công tác hạch toán kinh doanh, công tác hợp đồng và công tác phân tích hoạt động kinh tế. Đảm bảo tăng cường công tác quản lý và hạch toán kinh doanh có hiệu quả cao.
- Hoàn chỉnh đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và tổ chức thực hiện;
- Xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty đến năm 2020.
- Hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà vào Công ty Cổ phần Sông Đà 2 theo đề án tái cấu trúc của Tổng công ty Sông Đà đã được Bộ Xây dựng phê duyệt. Tiến hành thoái vốn tại các dự án và các doanh nghiệp đã được Tổng công ty Sông Đà thông qua.
- Công tác quản lý và sử dụng thiết bị và phương tiện thi công hợp lý và linh hoạt đảm bảo đáp ứng tiến độ các công trình lớn.
- Hoàn thành phê duyệt dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công cho lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng hạ tầng giao thông và xây dựng dân dụng – công nghiệp và triển khai đầu tư mua sắm xe máy thiết bị thi công.
- Tăng cường nhiều giải pháp về thu vốn và huy động vốn cho sản xuất và đầu tư đồng thời trả nợ đúng hạn các khoản vay. Duy trì nền tài chính lành mạnh.

3.4. Một số nhiệm vụ cụ thể trong năm 2014 của Hội đồng quản trị.

- a. Phê duyệt kết quả hoạt động SXKD năm 2013, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.
- b. Hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần công trình giao thông Sông Đà vào Công ty Cổ phần Sông Đà 2 theo đề án tái cấu trúc của Tổng công ty Sông Đà đã được Bộ Xây dựng phê duyệt. Tiến hành thoái vốn tại các dự án và các doanh nghiệp đã được Tổng công ty Sông Đà thông qua.
- c. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- d. Chỉ đạo tăng cường mở rộng thị phần thi công xây lắp, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để đảm bảo khối lượng công việc cho năm 2014 và những năm tiếp theo.
- e. Tập trung chỉ đạo công tác SXKD tại các công trình trọng điểm như: Đảm bảo sản xuất và cung cấp đầy đủ đá dăm và cát nghiền đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công công

trình thủy điện XêKaman 1; Đảm bảo thi công đúng tiến độ, chất lượng tại các công trình: Thủy điện Hà Tây; Quốc lộ 18; Quốc lộ 1A; Dự án tái định cư thủy điện Trung Sơn và các dự án khác...

- f. Chỉ đạo và giải quyết các thủ tục huy động vốn cho công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư. Đặc biệt tìm kiếm nguồn vốn để thực hiện công tác đầu tư và đẩy mạnh công tác bán hàng tại Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng; Đảm bảo vốn cho các dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực thi công công trình giao thông.
- g. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thu vốn tại các công trường, tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ. Tập trung thu vốn và quyết toán tại các công trình: Thủy điện Bản Vẽ; Khu biệt thự Vườn Cam; Quốc lộ 18 (đoạn Ưông Bí - Hạ Long); Thủy điện Hà Tây...
- h. Chỉ đạo việc quy định chặt chẽ, nâng cao ý thức thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, tiến độ, đảm bảo tuyệt đối An toàn lao động - Vệ sinh lao động đối với người và thiết bị xe máy trong quá trình thi công. Quan tâm đến đời sống của người lao động: Tiền lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.
- i. Chỉ đạo xem xét việc cân đối, đáp ứng yêu cầu nhân lực, xe máy, thiết bị nhằm phát huy tối đa năng lực của xe máy thiết bị, đảm bảo khai thác và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công đường giao thông.
- j. Nghiên cứu, chỉ đạo, đôn đốc Ban Tổng giám đốc, các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp hợp lý nhất thi công các dự án do Công ty làm chủ đầu tư và xây dựng phương án sản xuất và kinh doanh linh hoạt hợp lý trong năm 2014, trong đó có dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng.
- k. Chỉ đạo củng cố bộ máy tổ chức sản xuất và quản lý điều hành từ các Phòng ban Công ty đến đơn vị trực thuộc bằng cơ chế, thay thế mệnh lệnh hành chính.
- l. Chỉ đạo xây dựng các biện pháp thu hút nhân lực đảm bảo cho thực hiện kế hoạch năm 2014 và chiến lược phát triển của Công ty các năm tiếp theo (cơ chế đãi ngộ tiền lương, tuyển dụng, đào tạo và định hướng phát triển ...).
- m. Chỉ đạo quyết liệt tiết giảm chi phí quản lý, hạ giá thành sản phẩm.
- n. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát về các hoạt động của Công ty nhằm tránh các rủi ro, hoặc sai sót có thể xảy ra.
- o. Chỉ đạo công tác hạch toán kinh doanh, phân tích hoạt động kinh tế để kịp thời rút kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành.
- p. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát về các hoạt động của Công ty nhằm tránh các rủi ro, hoặc sai sót có thể xảy ra.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 gồm 5 thành viên:

- Ông Lê Văn Giang - Chủ tịch HĐQT, nắm giữ: 11.666 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần.
- Ông Hồ Văn Dũng - Thành viên HĐQT nắm giữ 11.666 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần.
- Ông Phạm Văn Mạnh - Thành viên HĐQT nắm giữ 15.516 cổ phần, chiếm 0,13 % tổng số cổ phần.
- Ông Lương Văn Sơn - Thành viên HĐQT nắm giữ 15.166 tương ứng, tương ứng với 0,13% số cổ phần.
- Bà Đặng Thị Diệu Hương - Thành viên HĐQT nắm giữ 10.000 cổ phần, chiếm 0,08% số cổ phần của công ty.

Các thành viên HĐQT không tham gia điều hành:

- Ông Hồ Văn Dũng.
- Ông Lương Văn Sơn.
- Bà Đặng Thị Diệu Hương.

Thành viên HĐQT độc lập: Bà Đặng Thị Diệu Hương; Ông Lương Văn Sơn.

- Tham gia nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động của thị trường để vận dụng vào thực tế hoạt động định hướng phát triển của Công ty từng thời kỳ.
- Phụ trách Công tác kinh tế;
- Phụ trách Công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động;
- Phụ trách công tác thẩm tra các dự án;
- Công tác kiểm tra, kiểm toán.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Không có)

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trên cơ sở kế hoạch của năm 2013 đã đề ra và thực tế triển khai thực hiện, với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, HĐQT đã tiến hành giám sát, quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, đã xác định được các vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kế hoạch hoạt động phù hợp, đồng thời cùng với Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty như: Cơ cấu sắp xếp lại mô hình tổ chức và nhân lực, công tác đầu tư các dự án, công tác quản lý tài chính v.v ...

Trong năm 2013 tuy chưa thành lập các tiểu ban, tùy tình hình thực tế, HĐQT đã sắp xếp trực tiếp làm việc với các bộ phận chức năng liên quan nghe ý kiến tham mưu và có những góp ý với Ban Tổng giám đốc nhằm đưa ra các giải pháp, biện pháp tháo gỡ

những vướng mắc, khó khăn và chỉ đạo kịp thời phục vụ tốt cho hoạt động SXKD và các mặt công tác khác.

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp định kỳ, có nhiều cuộc họp đột xuất và 53 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, quyết định và ban hành 57 Nghị quyết; 27 Quyết định và 45 Văn bản khác để làm cơ sở cho Tổng giám đốc triển khai các hoạt động SXKD. Các vấn đề lớn của Công ty đã được xem xét, phê duyệt như sau:

- Xem xét thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2012, triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2013 cũng như các tài liệu, báo cáo khác trình Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2013.
- Xem xét, thông qua báo cáo SXKD quý và nhiệm vụ trọng tâm của quý tiếp theo.
- Phê duyệt phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức của Công ty bao gồm: Sáp nhập, giải thể, thành lập mới các đơn vị trực thuộc.
- Xem xét hoàn thiện đề án tái cấu trúc Công ty, theo đề án tái cấu trúc của Tổng công ty.
- Phê duyệt quy chế, quy định nội bộ của Công ty để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ SXKD và thực tiễn hiện nay.
- Quyết định việc miễn nhiệm, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý;
- Quyết định các phương án, chủ trương trong công tác đầu tư vào các dự án cũng như đầu tư khác.
- Các nội dung khác, HĐQT đã thực hiện tốt việc cung cấp các tài liệu, thông tin cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Chủ trì thẩm định dự toán chi phí quản lý năm 2013; Kế hoạch khấu hao Tài sản cố định để Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Xem xét Báo cáo phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh quý, năm của Công ty.
- Tham gia xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Thẩm định tính khả thi của các dự án đầu tư.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của công ty gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Thị Thúy Liên - Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Ngô Văn Nghĩa - Thành viên BKS.

- Ông: Đặng Văn Luyến - Thành viên BKS.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2013 Ban kiểm soát Công ty đã duy trì hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và tuân thủ Luật doanh nghiệp.
- Ban Kiểm soát đã phân công công tác đối với từng thành viên Ban kiểm soát Công ty trong nhiệm kỳ từ 2011÷ 2015 theo lĩnh vực, có sự bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.
- Trong năm 2013 Ban kiểm soát đã tiến hành 04 phiên họp thường kỳ và các phiên họp bất thường bằng hình thức xin ý kiến văn bản.
- Trong năm 2013 Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ và thường xuyên của Hội đồng quản trị Công ty.
- Trong năm 2013 Ban kiểm soát đã cùng các Phòng ban Công ty tham gia kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc.
- Tham gia họp phân tích hoạt động kinh tế năm 2012; 06 tháng năm 2013 của Công ty.
- Cùng với kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo Tài chính các đơn vị trực thuộc và toàn công ty 06 tháng; năm 2013.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

a. Tổng tiền lương, thù lao trả Hội đồng quản trị năm 2013: 748.800.000 đồng.

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

+ Ông Lê Văn Giang – Chủ tịch HĐQT : 441.600.000 đồng.

- Thù lao của các thành viên HĐQT:

+ Ông Lương Văn Sơn - Thành viên HĐQT : 66.240.000 đồng.

+ Bà Đặng Thị Diệu Hường - Thành viên HĐQT : 66.240.000 đồng.

+ Ông Hồ Văn Dũng - Thành viên HĐQT : 66.240.000 đồng.

b. Tổng tiền lương, thù lao trả Ban kiểm soát năm 2013:

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Liên - T.Ban kiểm soát : 49.680.000 đồng.

+ Ông Ngô Văn Nghĩa - Thành viên BKS : 44.160.000 đồng.

+ Ông Đặng Văn Luyến - Thành viên BKS : 44.160.000 đồng.

c. Tổng tiền lương trả Ban Tổng giám đốc điều hành năm 2013:

- Ông Phạm Văn Mạnh - Tổng giám đốc : 419.520.000 đồng.

- Ông Trần Văn Trường - Phó Tổng giám đốc : 309.120.000 đồng.
- Ông Nguyễn Quốc Doanh - Phó Tổng giám đốc : 309.120.000 đồng.
- Ông Hoàng Văn Sơn - Phó Tổng giám đốc : 231.840.000 đồng.
- Ông Hoàng Công Phình - Phó Tổng giám đốc : 309.120.000 đồng.
- Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kế toán trưởng : 298.080.000 đồng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

VI. Báo cáo Tài chính: Các Báo cáo Tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán và Luật chứng khoán.

1. Báo cáo Tài chính hợp nhất:

- **Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).
- **Địa chỉ:** Số 1, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo Tài chính năm 2013 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		697.110.387.465	675.119.736.733
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		48.212.880.651	64.141.551.259
1	Tiền	111	V.01	48.212.880.651	64.141.551.259
2	Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	0
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	6.000.000.000	0
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.842.598.985	204.826.422.598
1	Phải thu khách hàng	131		191.338.769.539	170.792.779.762
2	Trả trước cho người bán	132		10.062.310.124	6.668.843.922
5	Các khoản phải thu khác	138	V.03	20.645.080.629	28.615.041.451
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.203.561.307)	(1.250.242.537)
IV	Hàng tồn kho	140		386.497.200.439	368.988.926.828
1	Hàng tồn kho	141	V.04	386.497.200.439	368.988.926.828

V	Tài sản ngắn hạn khác	150		35.557.707.390	37.162.836.048
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		250.993.701	5.017.518.608
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.093.411.266	16.821.417.893
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		16.213.302.423	15.323.899.547
B	Tài sản dài hạn	200		67.352.775.138	85.712.028.109
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II	Tài sản cố định	220		46.167.869.608	54.744.068.866
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	39.148.696.621	47.036.652.356
	- Nguyên giá	222		275.204.664.676	273.182.061.629
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(236.055.968.055)	(226.145.409.273)
3	TSCĐ vô hình	227	V.06	713.115.000	1.426.947.000
	- Nguyên giá	228		3.569.219.141	3.569.219.141
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.856.104.141)	(2.142.272.141)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	6.306.057.987	6.280.469.510
III	Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	17.450.499.016	17.139.546.929
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3	Đầu tư dài hạn khác	258		29.194.685.019	29.534.685.019
4	Dự phòng chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(11.744.186.003)	(12.395.138.090)
IV	Tài sản dài hạn khác	260		2.598.561.514	12.423.560.314
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.040.405.849	12.251.818.926
3	Tài sản dài hạn khác	268		558.155.665	171.741.388
V	Lợi thế thương mại	269		1.135.845.000	1.404.852.000
	Tổng cộng tài sản	270		764.463.162.603	760.831.764.842

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		533.275.135.513	537.133.661.563
I	Nợ ngắn hạn	310		460.265.717.771	456.380.270.889
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	138.835.356.724	127.611.716.897
2	Phải trả người bán	312		88.988.947.265	89.088.726.457
3	Người mua trả tiền trước	313		89.701.475.143	51.856.602.060
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	22.980.601.292	28.848.985.259
5	Phải trả người lao động	315		26.122.731.819	25.747.078.231
6	Chi phí phải trả	316	V.12	11.161.252.872	13.723.343.284
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	80.265.411.959	117.517.466.828
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.209.940.697	1.986.351.873
II	Nợ dài hạn	330		73.009.417.742	80.753.390.674

4	Vay và nợ dài hạn	334	V.14	73.009.417.742	80.753.390.674
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		199.702.539.697	190.699.195.926
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	199.702.539.697	190.699.195.926
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		22.079.551.578	22.079.551.578
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.442.184.642	2.442.184.642
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		16.462.415.397	15.541.854.983
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		6.580.263.346	5.854.353.832
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.138.124.734	24.781.250.891
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		31.485.487.393	32.998.907.353
	Tổng cộng nguồn vốn	540		764.463.162.603	760.831.764.842

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	538.346.607.533	529.561.374.191
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.18	538.346.607.533	529.561.374.191
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	441.370.683.037	437.727.703.093
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.975.924.496	91.833.671.098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	802.805.855	3.604.517.404
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	22.077.156.328	25.110.867.587
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.446.223.140</i>	<i>23.205.174.735</i>
8. Chi phí bán hàng	24		10.533.442.448	5.937.383.128
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		48.048.550.213	38.501.944.479
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.119.581.362	25.887.993.308
11. Thu nhập khác	31		277.505.905	3.391.649.072
12. Chi phí khác	32		1.987.962.196	3.609.816.043
13. Lợi nhuận khác	40		(1.710.456.291)	(218.166.971)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	45		0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.409.125.071	25.669.826.337
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22	5.900.042.117	7.644.104.599

17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	(
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.509.082.954	18.025.721.738
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.282.509.418	3.734.700.455
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7.226.573.536	14.291.021.283
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		602	1.191

2. Báo cáo Tài chính của Công ty mẹ

- **Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).
- **Địa chỉ:** Số 01, Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo Tài chính năm 2013 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CÔNG TY MẸ (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		547.144.257.339	538.972.731.927
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		39.952.044.022	43.525.487.367
1	Tiền	111	V.01	39.952.044.022	43.525.487.367
2	Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	6.000.000.000	0
1	Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	0
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		169.942.020.792	146.583.711.400
1	Phải thu khách hàng	131		134.541.898.103	108.603.548.725
2	Trả trước cho người bán	132		5.832.436.035	4.251.496.256
5	Các khoản phải thu khác	138	V.03	30.522.030.466	34.729.691.461
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(954.343.812)	(1.001.025.042)
IV	Hàng tồn kho	140		306.518.467.004	319.710.885.018
1	Hàng tồn kho	141	V.04	306.518.467.004	319.710.885.018
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		24.731.725.521	29.152.648.142
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		250.993.701	5.017.518.608
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.861.575.316	13.042.371.892

4	Tài sản ngắn hạn khác	158		10.619.156.504	11.092.757.642
B	Tài sản dài hạn	200		68.612.246.214	73.785.520.581
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II	Tài sản cố định	220		25.099.651.659	29.026.091.803
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	18.793.593.672	22.745.622.283
	- Nguyên giá	222		218.145.549.896	216.453.991.262
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(199.351.956.224)	(193.708.368.969)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	6.306.057.987	6.280.469.510
III	Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	42.181.668.996	42.020.716.909
1	Đầu tư vào công ty con	251		25.651.190.000	25.651.190.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3	Đầu tư dài hạn khác	258		27.894.664.999	28.234.664.999
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(11.364.186.003)	(11.865.138.090)
V	Tài sản dài hạn khác	260		1.330.925.559	2.738.711.869
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.288.445.559	2.719.711.869
3	Tài sản dài hạn khác	268		42.480.000	19.000.000
	Tổng cộng tài sản	270		615.756.503.553	612.758.252.508

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (PHẦN NGUỒN VỐN)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Số TT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		424.358.806.255	432.210.481.265
I	Nợ ngắn hạn	310		351.945.531.422	353.229.233.500
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	91.736.995.023	86.683.963.006
2	Phải trả người bán	312		70.196.580.037	70.096.450.302
3	Người mua trả tiền trước	313		65.379.889.721	32.645.440.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	18.384.192.249	24.147.725.672
5	Phải trả người lao động	315		21.283.004.842	20.630.717.209
6	Chi phí phải trả	316	V.11	9.840.801.467	12.903.763.337
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	73.720.170.795	104.779.116.167
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.401.897.288	1.342.057.807
II	Nợ dài hạn	330		72.413.274.833	78.981.247.765
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	72.413.274.833	78.981.247.765
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0

B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		191.397.697.298	180.547.771.243
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	191.397.697.298	180.547.771.243
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		18.583.927.780	18.583.927.780
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		15.818.884.989	15.287.626.374
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.409.675.868	4.878.417.253
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.585.208.661	21.797.799.836
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
	Tổng cộng nguồn vốn	440		615.756.503.553	612.758.252.508

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	350.435.677.982	380.814.099.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		350.435.677.982	380.814.099.242
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	288.151.372.230	319.153.373.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.284.305.752	61.660.726.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	8.610.001.524	3.687.985.771
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	20.001.697.088	17.669.529.957
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.220.763.900</i>	<i>16.293.837.105</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.320.735.400	125.909.091
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.121.689.235	29.739.068.557
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.450.185.553	17.814.204.353
11. Thu nhập khác	31	VI.19	39.395.354	2.189.460.041
12. Chi phí khác	32	VI.20	1.177.526.276	3.352.388.382
13. Lợi nhuận khác	40		(1.138.130.922)	(1.162.928.341)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.312.054.631	16.651.276.012
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	4.075.971.277	6.026.103.717
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.236.083.354	10.625.172.295
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.22	1.020	885

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nhằm cung cấp các thông tin cần thiết về tổ chức quản lý điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2013 cũng như các kế hoạch, định hướng và giải pháp thực hiện trong năm 2014 và các năm tiếp theo của Công ty tới tất cả các quý vị cổ

đồng và nhà đầu tư. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 hy vọng rằng với bản Báo cáo này sẽ cung cấp được phần lớn những thông tin mà quý vị cổ đông, nhà đầu tư quan tâm muốn nghiên cứu, tìm hiểu về Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông và các Nhà đầu tư.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu TCKT, TCHC.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Giang